TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/DS-ST
Ngày 09-4-2018
V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự về góp họ (hụi)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Huyến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Minh Cảnh

2. Bà Nguyễn Ngọc Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Thị Gấm– Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2017/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp họ (hụi)" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2018/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1965 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Hai T, xã TYA, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Chị Đoàn Thị M, sinh năm 1965 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp MC, xã TYA, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/7/2017, nguyên đơn bà Đỗ Thị T trình bày yêu cầu khởi kiện như sau: Nguyên trước đây vào năm 2011, Bà có tham gia chơi hụi do bà Đoàn Thị M làm chủ hụi, dây hụi này có 30 phần hụi, mỗi phần hụi là 1.000.000đ, một tháng xổ hụi một lần, hình thức xổ hụi là ai bỏ số tiền cao

thì hột hụi, chủ hụi được hưởng hoa hồng là 500.000đ trên lần xổ hụi. Trong đó, dây hụi này bà tham gia chơi 02 phần hụi và đóng tiền được 16 lần với số tiền 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng) thì bà Mtuyên bố dừng hụi và không sổ hụi nữa. Sau khi trừ phần chủ hụi hưởng hoa hồng hai phần hụi 1.000.000đ (Một triệu đồng), bà Mcòn lại bà 31.000.000đ. Sau đó, bà Mđã trả cho bà được tổng số tiền 22.800.000đ. Như vậy bà Mcòn nợ lại bà 8.200.000đ. Tuy nhiên, Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án thì bà Mthừa nhận còn nợ bà số tiền 8.000.000đ thì bà cũng đồng ý.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đoàn Thị M trả cho bà số tiền hụi còn nợ là 8.000.000đ (Tám triệu hai trăm nghìn đồng) và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Đoàn Thị M trình bày: Bà Mthống nhất như lời trình bày của nguyên đơn bà Đỗ Thị T về thời gian chơi hụi, số phần hụi bà T tham gia, số tiền đóng hụi, tiền hoa hồng và số tiền hụi còn nợ. Với yêu cầu khởi kiện của bà T thì bà xác nhận còn nợ tiền hụi bà T số tiền 8.000.000đ nhưng do hoàn cảnh kinh tế bà hiện nay rất khó khăn nên xin bà T cho bà trả dần số tiền trên thành 04 đợt, mỗi đợt trả 2.000.000đ trả trong 02 năm, năm 2018 và năm 2019.

Ngoài ra, bà không yêu cầu và trình bày gì thêm.

Tài liệu, chứng cứ do các bên đương sự cung cấp gồm: Bản sao giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu; bản tự khai, đơn xác nhận tình trạng cư trú của chị Màu.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay: Các đương sự giữ nguyên ý kiến, yêu cầu khởi kiện như đã trình bày trên.

Phần các đương sự thống nhất nhau:

Bà Đỗ Thị T và bà Đoàn Thị M thống nhất xác định bà Mcòn nợ bà T số tiền hụi là 8.000.000đ.

Phần không thỏa thuận được: Về thời hạn trả thì bà T yêu cầu thanh toán nợ một lần, bà Mxin trả nợ 04 đợt vào năm 2018 và năm 2019.

Ngoài ra, nguyên đơn và bị đơn không có yêu cầu hay ý kiến gì thêm.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng mối quan hệ pháp luật tranh chấp, tổ chức hòa giải, thu thập chứng cứ đúng theo trình tự Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa sơ thẩm đúng theo trình tự Bộ luật tố tụng dân sự. Thư ký ghi biên bản phiên tòa đúng chức năng, nhiệm vụ của mình.

Đối với đương sự tham gia giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của bà Đỗ Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đoàn Thị M trả cho bà tiền hụi còn nợ 8.000.000đ là có căn cứ. Bởi trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Mthừa nhận còn nợ bà T 8.000.000đ. Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự 2015, Điều 5, Điều 7, Điều 9, Điều 15, Điều 27, Điều 31 Nghị định 144 ngày 27/11/2006 của chính phủ quy định về họ, hụi, biêu phường cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên nên vụ án thuộc Thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Đỗ Thị T khởi kiện yêu cầu bà Đoàn Thị M trả tiền hụi còn nợ nên quan hệ pháp luật được xác định trong vụ án là "Tranh chấp về hợp đồng dân sự góp họ (hụi)" theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Bà Đỗ Thị T và bà Đoàn Thị M thống nhất xác định là vào năm 2011 bà Mcó làm chủ hụi để hưởng hoa hồng. Dây hụi này gồm có 30 phần hụi, mỗi phần hụi là 1.000.000đ, một tháng sổ một lần. Bà Đỗ Thị T tham gia chơi hai phần hụi và đã đóng được 16 lần với số tiền 32.000.000đ thì bà Múp hụi không sổ hụi nữa. Sau đó, bà Mcó trả tiền hụi đã đóng lại cho bà T nhiều lần và hiện nay các bên thông nhất xác nhận bà Đoàn Thị M còn nợ bà Đỗ Thị T số tiền hụi là 8.000.000đ. Tuy nhiên, giữa bà T và bà Mkhông thống nhất được với nhau về thời gian trả nợ nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Mtrả cho bà 8.000.000đ.

Hội đồng xét xử, xét thấy việc bà Mlàm chủ hụi nhưng ngưng xổ hụi khi chưa kết thúc dây hụi là vi phạm nghĩa vụ của chủ họ được quy định tại Điều 5 và Điều 27 Nghị định 144/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2006 quy

định về họ, hụi, biêu, phường. Do đó, bà Mphải có nghĩa vụ trả lại số tiền mà bà T đã đóng hụi cho bà là 32.000.000đ. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Mvà bà T thống nhất bà Mchỉ còn nợ bà T 8.000.000đ nên cần buộc bà Mtrả cho bà T 8.000.000đ là phù hợp. Xét về lãi chậm trả do bà Mvi phạm nghĩa vụ của chủ họ nhưng bà T không yêu cầu tiền lãi chậm trả nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Về thời hạn trả nợ: Do bà T và bà Mkhông thỏa thuận được thời gian trả nợ nên khi nào Bản án có hiệu lực pháp luật thì các bên căn cứ vào Bản án để thực hiện quyền yêu cầu thi hành án theo Luật thi hành án dân sự.

Từ các nhận định nêu trên, HĐXX thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị T là buộc bà Đoàn Thị M có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị T số tiền nợ hụi là 8.000.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tiền án phí vụ kiện được tính là: 8.000.000 x 5% = 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng).

Do yêu cầu của nguyên đơn bà Đỗ Thị T được chấp nhận nên không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà Đỗ Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 205.000 đồng (Hai trăm linh năm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007091 ngày 24 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Buộc bà Đoàn Thị M có nghĩa vụ nộp tiền án phí 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng).

[5] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với Pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân năm 2015; Điều 471, Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 5, Điều 7, Điều 9, Điều 15, Điều 27, Điều 31 của Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị T yêu cầu bà Đoàn Thị M trả số tiền nợ hụi là 8.000.000đ (tám triệu đồng).

2. Buộc bà Đoàn Thị M trả cho bà Đỗ Thị T số tiền nợ hụi là 8.000.000đ (tám triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thì còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sư sơ thẩm: 400.000đ (Bốn trăm ngàn đồng)

Bà Đoàn Thị M có nghĩa vụ nộp tiền án phí là 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng), thi hành tại Chi cục hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Hoàn trả cho bà Đỗ Thị T số tiền tạm ứng án phí là 205.000đồng (Hai trăm lẻ năm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007091 ngày 24 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

4. Quyền kháng cáo:

Án xử công khai, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- VKSND huyện An Biên;
- *Chi cục THADS huyện An Biên;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: HSDS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Võ Thanh Huyến